TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **134**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 5 - 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ma Thị Như Trang
2. Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang* tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17/3/2023 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Sầm Văn G, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn M, xã R, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
2. Bị đơn: Chị Chu Thị H, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Thôn M, xã R, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn anh Sầm Văn G có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn chị Chu Thị H vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và trong Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Sầm Văn G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị H kết hôn với nhau từ năm 2013, trước khi kết hôn hai bên được tự tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện Y vào ngày 24/01/2013. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi

nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc chị H bỏ đi làm ăn xa và sống ly thân với anh từ năm 2021 cho đến nay. Mặc dù anh đã nhiều lần liên lạc và động viên chị Hiền quay về chung sống cùng anh để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị H không về mà chỉ thỉnh thoảng mới về qua nhà thăm con sau đó lại đi khỏi nhà và nói là đi làm ăn. Anh và con có hỏi chị H đang làm gì, ở đâu nhưng chị H dấu không nói. Thời gian gần đây anh tiếp tục gọi điện thoại để động viên chị H quay về để chăm sóc các con để anh đi làm ăn nhưng chị H không đồng ý quay về. Anh nhận thấy rằng do vợ chồng sống ly thân đã lâu nên tình cảm ngày càng xa cách. Trên thực tế quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chu Thị H, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Chu Thị H có 02 con chung là cháu Sầm Quốc T, sinh ngày 28/01/2013 và cháu Sầm Thị Lan A, sinh ngày 06/11/2014. Kể từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Sầm Quốc T và cháu Sầm Thị Lan A vẫn sống cùng anh. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lực được. Anh không yêu cầu chị Chu Thị H cấp dưỡng đối với các con chung.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn chị Chu Thị H không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Sầm Văn G.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và bà Kiều Thị B là mẹ đẻ của bị đơn chị Chu Thị H, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Sầm Văn G và chị Chu Thị H kết hôn với nhau từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng anh Giang, chị Hiền về chung sống tại thôn M, xã R, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Vợ chồng anh G, chị H đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chính quyền địa phương và người thân thích của chị Chu Thị H xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Sầm Văn G và chị Chu Thị H đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Sầm Văn G theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Sầm Văn G, chị Chu Thị H có 02 con chung là cháu Sầm Quốc T, sinh ngày 28/01/2013 và cháu Sầm

Thị Lan A, sinh ngày 06/11/2014. Kể từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Sằm Quốc T và cháu Sằm Thị Lan A vẫn sống chung cùng anh Sằm Văn G.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Vợ chồng anh Sằm Văn G, chị Chu Thị H không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Kể từ kết hôn vợ chồng anh Sằm Văn G và chị Chu Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn M, xã R, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó do mâu thuẫn nên chị H bỏ đi làm ăn xa, sống ly thân với anh G, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà nhưng không làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng do đó gia đình và địa phương không nắm được hiện tại chị Chu Thị H đang ở đâu, làm gì. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sau đó chuyển lại cho người thân trong gia đình, gia đình cũng đã thông báo lại cho chị H biết về việc anh G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H và Tòa án triệu tập chị H đến làm việc, tuy nhiên chị H báo lại là đang bận đi làm ăn xa nên không về để đến Tòa án làm việc được, nhưng chị H không thông báo cho gia đình và địa phương biết chị H hiện đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể nào nên gia đình và địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Sằm Văn G thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Chu Thị H chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Sằm Văn G:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Sằm Văn G được ly hôn với chị Chu Thị H.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Sằm Quốc T, sinh ngày 28/01/2013 và cháu Sằm Thị Lan A, sinh ngày 06/11/2014 cho anh Sằm Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Chu Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Nguyên đơn anh Sằm Văn G xác định không có tài sản, đất đai vay nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn anh Sằm Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn chị Chu Thị H không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Anh Sằm Văn G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Chu Thị H, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Chu Thị H có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn M, xã R, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn chị Chu Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã R, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn anh Sằm Văn G đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn chị Chu Thị H. Chị H đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng vẫn về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và địa phương không rõ chị H hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù chị H đã biết được việc anh G khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng chị H không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ chị H đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che dấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn anh Sằm Văn G có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Sằm Văn G thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chị Chu Thị H chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Sằm Văn G và chị Chu Thị H kết hôn với nhau từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn M, xã R, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vãi, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hàn gắn nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn hỏi han, quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Anh G xác định tình cảm vợ chồng với chị Chu Thị H đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Sằm Văn G và chị Chu Thị H đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Sằm Văn G được ly hôn với chị Chu Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống anh Sằm Văn G và chị Chu Thị H có 02 con chung là cháu Sằm Quốc T, sinh ngày 28/01/2013 và cháu Sằm Thị Lan A, sinh ngày 06/11/2014. Kể từ khi vợ chồng ly thân thì các con vẫn sống cùng anh Giang. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh G đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu A đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Các cháu Sằm Quốc T, Sằm Thị Lan A cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố. Ngoài ra, hiện tại chị Chu Thị H cũng thường xuyên vắng nhà, đi làm ăn xa, không có địa chỉ liên lạc cụ thể. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cả 02 con chung là cháu Sằm Quốc T và cháu Sằm Thị Lan A cho anh Sằm Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Chu Thị H không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng anh Sằm Văn G và chị Chu Thị H không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Sằm Văn G cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn anh Sằm Văn G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn chị Chu Thị H không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và

gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Sầm Văn G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Sầm Văn G được ly hôn với chị Chu Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Sầm Quốc T, sinh ngày 28/01/2013 và cháu Sầm Thị Lan A, sinh ngày 06/11/2014 cho anh Sầm Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Chu Thị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Sầm Văn G phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005978, ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Ghi nhận anh Sầm Văn G đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn chị Chu Thị H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Sầm Văn G và bị đơn chị Chu Thị H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã R (Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 24/01/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San